TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 111/2021/HS-ST
Ngày: 21 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Trần Thị Túc.
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy
Ông Phạm Văn Phú

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Ngọc Như - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh N tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Phi Phi – Kiểm sát viên.

Ngày 21/12/2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 147/2021/HSST ngày 27 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Tấn D (tên gọi khác: Bi) sinh ngày 14 tháng 7 năm 1992 tại Q, tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Phi H(đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 08/4/2016, bị cáo D bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 12 tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo Bản án số 29/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/12/2016, chưa được xóa án tích. Ngày 15/12/2017, bị cáo D bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 15 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Bản án số 86/2017/HSST. Ngày 09/3/2018, bị cáo D bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 20 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Bản án số 11/2018/HSST. Tổng hợp hình phạt của hai Bản án trên, buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung là 35 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/5/2020, chưa được xóa án tích; nhân thân Quyết định số 3283/QĐ-UBND ngày 26/8/2013 của Chủ

tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc áp dụng biện pháp đưa Trương Tấn D vào cơ sở chữa bệnh trong thời gian 24 tháng. Chấp hành tại Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội tỉnh N từ ngày 31/8/2013, đến ngày 13/9/2013, Trương Tấn D trốn khỏi Trung tâm; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/9/2021 cho đến nay.

Họ và tên: Ưng Quang T (tên gọi khác: T nhái lá) sinh ngày 21 tháng 7 năm 1985 tại Q, tỉnh N. Nơi cư trú: Tổ 1,phường N, thành phố Q, tỉnh N; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ưng Văn T, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1958; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 29/9/2015, bị cáo bị xử phạt 07 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo Bản án số 94/2015/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Q, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2020, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Ngày 20/8/2021, Công an xã N, huyện T, tỉnh N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 20/QĐ-XPVPHC bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/9/2021 cho đến nay.

Bị hại:

- Ông Trương Thế N, sinh ngày: 10/10/1970 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh N.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên N Q.

Địa chỉ: Lô C1-3, khu công N Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình T, chức vụ: Giám đốc.

Ông Trần Đình T ủy quyền cho ông Bùi Tấn T, sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh N theo Giấy ủy quyền ngày 28/9/2021(vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã N, thành phố Q, tỉnh N.

Người làm chứng:

- Ông Trần Phi D, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thành phố Q, tỉnh N.

- Ông Lê Văn P, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã H, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 42 phút ngày 29/7/2021, bị cáoTrương Tấn D gọi điện thoại rủ bị cáo Ưng Quang T đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng thì T đồng ý. Sau đó, bị cáo D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76P1-0669 đến nhà chở bị cáo T đi tìm các công trình đang xây dựng không có người trông coi, quản lý để trộm cắp vật liệu xây dựng. Khi đến ngã ba đường Nguyễn Nghiêm – Nguyễn Du thuộc tổ 01, phường N, thành phố Q, tỉnh N, cả hai phát hiện có 03 (Ba) cuộn sắt để ở vỉa hè công trình đang thi công của Công ty TNHH Một thành viên N Q thì nảy sinh ý định trộm cắp nhưng do có người ở gần công trình, nên T và D bỏ đi. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 30/7/2021, bị cáo D điều khiển xe chở bị cáo T quay lại và cùng khiêng lần lượt 02 (Hai) cuộn sắt để lên xe, D điều khiển xe chở T và tài sản trộm cắp được đi cất giấu. Khi đến gần siêu thị Coopmart thì bị lực lượng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh N tuần tra phát hiện, bắt giữ, bàn giao cho Công an phường Nguyễn Nghiêm xử lý.

Quá trình mở rộng điều tra, Cơ quan Cảnh điều tra Công an thành phố Q xác định ngoài vụ trộm cắp tài sản trên, Trương Tấn D và Ưng Quang T còn thực hiện vụ trộm cắp tài sản vào ngày 28/7/2021 tại tổ 06, phường Quảng Phú, thành phố Q, tỉnh N. Cụ thể như sau:

Tháng 6/2021, ông Trần Phi D khởi công xây dựng nhà ở tại hẻm số 194/51 đường Hoàng Văn Thụ thuộc tổ 06, phường Quảng Phú, thành phố Q, tỉnh N. Ông D thuê ông Trương Thế N xây dựng nhà cho ông D. Ngày 27/7/2021, ông N chở 05 (Năm) tấm ván sắt đến nhà của ông D để sáng ngày 28/7/2021 đổ sàn bê tông. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 27/7/2021, Trương Tấn D gọi điện thoại rủ Ưng Quang T đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền mua ma túy sử dụng, T đồng ý. Sau đó, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76P1-0669 đến nhà chở T đi tìm các công trình đang xây dựng không có người trông coi, quản lý để trộm cắp vật liệu xây dựng. Khoảng 01 giờ 44 phút ngày 28/7/2021, D và T đi đến hẻm số 194/51 đường Hoàng Văn Thụ thuộc tổ 06, phường Quảng Phú, thành phố Q, tỉnh N thì phát hiện có 05 (Năm) tấm ván sắt để phía trước nhà của ông Trần Phi D, không có người trông coi, quản lý nên nảy sinh ý định trộm cắp. D và T xuống xe, cùng khiêng 05 (Năm) tấm ván sắt để lên xe. Sau đó, D điều khiển xe chở T và tài sản trộm cắp được đến bãi đất trống ở khu Ngọc Bảo Viên thuộc phường Nghĩa Lộ, thành phố Q, tỉnh N cất giấu. Sau đó, cả hai bị cáo đi về nhà ngủ. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76P1-0669 chở bị cáoT đến chỗ cất giấu 05 (Năm) tấm ván sắt trước đó và đem bán cho một người phụ nữ thu mua phế liệu dạo (không xác định được nhân

thân, lai lịch) với số tiền là 320.000 đồng (Ba trăm hai mươi nghìn đồng). Số tiền trên, D và T mua ma túy sử dụng. Cơ quan điều tra không thu giữ được 05 (Năm) tấm ván sắt.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 18/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Quảng Ngãi kết luận về tài sản định giá như sau:

- 01 (Một) cuộn sắt VAF phi 6, khối lượng 57kg. Tài sản chưa qua sử dụng, giá trị tài sản tại thời điểm ngày 30/7/2021 là 1.060.000 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

- 01 (Một) cuộn sắt VAF phi 8, khối lượng 19,5kg. Tài sản chưa qua sử dụng, giá trị tài sản tại thời điểm ngày 30/7/2021 là 363.000 đồng (Ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

- 05 (Năm) tấm ván sắt, mỗi tấm có kích thước (3 x 0,45 x 0,04)m, mỗi tấm có khối lượng 20kg, tổng khối lượng của 05 (Năm) tấm ván sắt là 100kg. Tài sản đã qua sử dụng, giá trị tài sản tại thời điểm ngày 28/7/2021 là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Cơ quan điều tra xác định khi bị cáo D và bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông N tại nhà ông D thì được camera của nhà ông D ghi lại. Ông D trích xuất 01 tập tin video lưu vào USB giao nộp cho Cơ quan điều tra sử dụng làm chứng cứ. Ngày 30/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q ra Quyết định trưng cầu giám định số 274/CSĐT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N tiến hành trích xuất dữ liệu hình ảnh trong USB mà ông Trần Phi D giao nộp. Tại Kết luận giám định số 796/KLGĐ-PC09 ngày 21/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận như sau:

Dữ liệu bên trong USB có chứa dữ liệu 01 (Một) tập tin video có tên "*Video trộm cắp tài sản ngày 28.7.2021*" có dung lượng 3,92MB, thời lượng 01 phút 11 giây, thời gian hiển thị trong tập tin video từ 01 giờ 44 phút 20 giây đến 01 giờ 45 phút 31 giây ngày 28/7/2021, cụ thể:

+ Trích xuất được 10 hình ảnh đại diện từ tập tin video.

+ Các hình ảnh đại diện trích xuất được đưa vào 01 bản ảnh.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 (Một) cuộn sắt VAF phi 6, khối lượng 57kg và 01 (Một) cuộn sắt VAF phi 8, khối lượng 19,5kg (Tài sản chưa qua sử dụng). Qua điều tra xác định 02 (Hai) cuộn sắt trên thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên N Q, Cơ quan điều tra đã trả lại 02 (Hai) cuộn sắt trên cho ông Bùi Tấn T - Chỉ huy trưởng công trình .

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu đỏ, loại bàn phím bấm, số IMEI 1: 355149113858340, số IMEI 2: 355149113858357, bên trong có gắn 01 thẻ sim mạng vinaphone có số thuê bao 0947.820.076 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) – đây là điện thoại bị cáo T sử dụng làm phương tiện liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu đỏ, loại bàn phím bấm, số IMEI 1: 358625109025009, số IMEI 2: 358625109025017, bên trong có gắn 01 thẻ sim mạng viettel có số thuê bao 0365.279.537 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) – đây là điện thoại bị cáo D sử dụng làm phương tiện liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (Một) xe mô tô mang biển kiểm soát 76P1-0669, nhãn hiệu: TENDER, màu sơn: Đỏ - Xám - Đen, số máy: VTT27JL1P52FMH012639, số khung: RRKWCH1UMAXL12639 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong). Qua điều tra xác định xe mô tô trên thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị H (SN: 1962; Nơi cư trú: Thôn 02, xã Nghĩa Dõng, thành phố Q, tỉnh N) là mẹ ruột của bị cáo D. Bị cáo D tự ý sử dụng xe mô tô của bà Hóa để chở bị cáoT đi trộm cắp tài sản. Bà Hóa không biết việc bị cáo D đã sử dụng xe mô tô trên thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho bà Nguyễn Thị H .

- 01 (Một) USB có chứa dữ liệu 01 (Một) tập tin video tên: "*Video trộm cắp tài sản ngày 28.7.2021*" có dung lượng 3,92MB, thời lượng 01 phút 11 giây, thời gian hiển thị trong tập tin video từ 01 giờ 44 phút 20 giây đến 01 giờ 45 phút 31 giây ngày 28/7/2021.

Về phần dân sự:

+ Ông Bùi Tấn T là người đại diện cho Công ty TNHH Một thành viên N Q đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì nữa .

+ Bà Nguyễn Thị H đã nhận lại xe mô tô và không yêu cầu gì thêm về phần dân sự nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

+ Đối với ông Trương Thế N yêu cầu bị cáo D và bị cáo T bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Gia đình bị cáo T đã bồi thường thiệt hại cho ông N số tiền 1.750.000 đồng, ông N có đơn bãi nại và xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo Ưng Quang T. Ông N yêu cầu bị cáo D bồi thường cho ông số tiền còn lại là 1.750.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 118/CT – VKS ngày 26 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố bị cáo Trương Tấn D về tội: "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Ưng Quang T về tội: *"Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trương Tấn D.

Tại phiên tòa bị hại ông Trương Tấn Nghiệp yêu cầu bị cáo D phải bồi thường tiếp cho ông N là 1.750.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài nên từ ngày 28/7/2021 đến 30/7/2021, bị cáo Trương Tấn D cùng bị cáo Ưng Quang T đã trộm cắp 05 (Năm) tấm ván sắt của ông Trương Thế N được định giá là 3.500.000 đồng, 01 (Một) cuộn sắt VAF phi 6 được định giá là 1.060.000 đồng và 01 (Một) cuộn sắt VAF phi 8 được định giá là 363.000 đồng của Công ty TNHH Một thành viên N Q được định giá, tổng trị giá tài sản mà bị cáo D và bị cáoT đã chiếm đoạt của các bị hại trong 02 lần trộm cắp trên là 4.923.000 VNĐ (Bốn triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng). Ngày 08/4/2016, bị cáo D bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 12 tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo Bản án số 29/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/12/2016, chưa được xóa án tích. Ngày 15/12/2017, bị cáo D bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 15 tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo Bản án số 86/2017/HSST. Ngày 09/3/2018, bị cáo D bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 20 tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo Bản án số 11/2018/HSST. Tổng hợp hình phạt của hai Bản án trên, buộc bị cáo D phải chấp hành hình phạt chung là 35 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/5/2020, chưa được xóa án

tích. Tại Bản án số 11/2018/HSST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã áp dụng tình tiết tái phạm đối với bị cáo D. Bị cáo D đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, do đó hành vi của bị cáo Trương Tấn D thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm". Hành vi nêu trên của bị cáo Trương Tấn D đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Ưng Quang T: Ngày 29/9/2015, bị cáo T bị Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt 07 năm tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo Bản án số 94/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2020, chưa được xóa án tích. Ngày 28/7/2021 và 30/7/2021, bị cáo T cùng bị cáo D đã trộm cắp có tổng trị giá là 4.923.000 VNĐ (Bốn triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng). Hành vi của bị cáo Ưng Quang T có đủ yếu tố cấu thành tội: "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đây là vụ án có đồng phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc mới có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trươmg Quang D; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Ưng Quang T; xử phạt bị cáo D từ 30 tháng đến 36 tháng tù; xử phạt bị cáo T từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản".

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trương Tấn D và bị cáo Ưng Quang T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Ưng Quang T đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho ông N, bị cáo D chưa bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T; bị cáo Trương Tấn D được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Trương Tấn D không có tình tiết tăng nặng.

Đối với bị cáo Ưng Quang T: Ngày 29/9/2015, Tòa án nhân dân thành phố Q xử phạt Ưng Quang T 07 năm tù về tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*", chấp hành

xong hình phạt tù ngày 22/01/2020, chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo T thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Trương Tấn D từ 30 tháng đến 36 tháng tù; bị cáo Ưng Quang T từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản" là phù hợp với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự. Ông Bùi Tấn T là người đại diện cho Công ty TNHH Một thành viên N Q đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu gì nữa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với ông Trương Thế N yêu cầu bị cáo D và bị cáo T bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Gia đình bị cáo T đã bồi thường thiệt hại cho ông N số tiền 1.750.000 đồng, ông N có đơn bãi nại và xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo Ưng Quang T. Ông N yêu cầu bị cáo D bồi thường cho ông số tiền còn lại là 1.750.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo D và bị cáo T đã trộm cắp tài sản của ông N định giá là 3.500.000 đồng, tài sản không thu hồi được, thiệt hại về tài sản của ông N là do cả hai bị cáo gây ra nên buộc hai bị cáo cùng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo mức lỗi ngang nhau, mỗi bị cáo phải bồi thường là 1.750.000 đồng. Bị cáo T đã bồi thường cho ông N số tiền 1.750.000 đồng, nên buộc bị cáo D bồi thường cho ông N là 1.750.000 đồng.

Bị cáo D tự ý sử dụng xe mô tô của bà Hóa để chở bị cáo T đi trộm cắp tài sản. Bà Hóa không biết việc bị cáo D đã sử dụng xe mô tô trên thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho bà Nguyễn Thị H là phù hợp. Bà Hóa không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước : 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu đỏ, loại bàn phím bấm, số IMEI 1: 355149113858340, số IMEI 2: 355149113858357, bên trong có gắn 01 thẻ sim mạng vinaphone có số thuê bao 0947.820.076 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) ; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu đỏ, loại bàn phím bấm, số IMEI 1: 358625109025009, số IMEI 2: 358625109025017, bên trong có gắn 01 thẻ sim mạng viettel có số thuê bao 0365.279.537 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/10/2021 giữa Công an thành phố Q và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q. Đối với 01 (Một) USB có chứa dữ liệu 01 (Một) tập tin video tên "*Video trộm cắp tài sản ngày 28.7.2021*" có dung lượng

3,92MB, thời lượng 01 phút 11 giây, thời gian hiển thị trong tập tin video từ 01 giờ 44 phút 20 giây đến 01 giờ 45 phút 31 giây ngày 28/7/2021 được lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, đối với bị cáo Trương Tấn D còn phải chịu án phí về bồi thường thiệt hại là: 300.000đồng

[8] Tuyên quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ vào**: Điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106, 136, Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Trương Tấn D;

Xử phạt: Trương Tấn D 30 (ba mươi) tháng tù về tội: " Trộm cắp tài sản" thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày 01/9/2021.

- **Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106, 136, Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Ưng Quang T

Xử phạt: Ưng Quang T 18 (mười tám) tháng tù về tội: " Trộm cắp tài sản" thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/9/2021.

Tiếp tục tạm giam hai bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về bồi thường dân sự: Buộc bị cáo Trương Tấn D và bị cáo Ưng Quang T mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông N số tiền là 1.750.000 đồng. Bị cáo Ưng Quang T đã bồi thường xong cho ông N, buộc bị cáo D phải bồi thường cho ông N số tiền 1.750.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước : 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu đỏ, loại bàn phím bấm, số IMEI 1: 355149113858340, số IMEI 2: 355149113858357, bên trong có gắn 01 thẻ sim mạng vinaphone có số thuê bao 0947.820.076 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) ; 01 (Một)

điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu đỏ, loại bàn phím bấm, số IMEI 1: 358625109025009, số IMEI 2: 358625109025017, bên trong có gắn 01 thẻ sim mạng viettel có số thuê bao 0365.279.537 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/10/2021 giữa Công an thành phố Q và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q;

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Ưng Quang T và Trương Tấn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Đối với bị cáo Trương Tấn D còn phải chịu án phí về bồi thường dân sự là: 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND TP.Q;
- VKSND tỉnh N;
- CATP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc